

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN LŨ
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HS - ST
Ngày 29/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LŨ TỈNH HƯNG YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: **Ông Nguyễn Đăng Khuê**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Lương Văn ké**

Bà Ngô Thị Tuyết

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thơm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Ông Đào Đức Độ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2020/TLST - HS ngày 09 tháng 11 năm 2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 12 năm 2020.

Đối với bị cáo: **TRẦN VĂN M - Sinh năm 1985.**

Sinh trú quán: Thôn T, xã P, huyện C, tỉnh H. Giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con Trần Văn V, sinh năm 1960 và bà Đoàn Thị L, sinh năm 1960; Vợ Nguyễn Thị N, sinh năm 1982; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2006; con nhỏ sinh năm 2014.

- *Tiền án, tiền sự:* Không

- *Nhân thân:*

+ Ngày 20/8/2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 07 năm tù về tội Cướp tài sản.

+ Ngày 24/11/2014 bị Công an huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên xử phạt hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi Đánh bạc.

+ Ngày 24/3/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên xử phạt 10 tháng tù về tội Đánh bạc.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 28/8/2020 đến ngày 31/8/2020, tạm giam từ ngày 31/8/2020 tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Hưng Yên

- Bị hại: Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại A; địa chỉ phố Nguyễn T, Thị trấn V, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

+ Người đại diện theo pháp luật: Anh Đào Văn T – SN 1982; Nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/. Anh Phạm Năng P sinh năm 1987; Nơi cư trú thôn L, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương. (có mặt).

- Người làm chứng:

+ Anh Trần Văn C, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện C, tỉnh H (vắng mặt).

+ Anh Hoàng Tú A(T), sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn D, xã Minh T, huyện Ph, tỉnh Hưng Yên, (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn Đại D, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên, (có mặt).

+ Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Phố C, Thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/10/2019 tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại A ở phố Nguyễn Tr, Thị trấn V, huyện T, tỉnh Hưng Yên, đại diện Công ty A ký hợp đồng lao động với Trần Văn M, sinh năm 1985, trú tại thôn Thôn T, xã P, huyện C, tỉnh H về việc thuê M làm lái xe Taxi cho Công ty và giao cho M quản lý, sử dụng xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand I10 màu trắng, biển kiểm soát (BKS) 89A 121.86 để chở khách. Vào ngày 10 hoặc 20 hàng tháng thì M phải mang xe đến công ty để kiểm tra xe. Khi giao xe có giấy bàn giao xe và Công ty có giao cho M 01 bản sao đăng ký xe, 01 giấy đăng kiểm xe ô tô, 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc. Mỗi tháng, M phải nộp về cho Công ty A số tiền là 8.000.000đ. Do đến kỳ hẹn phải đóng tiền về cho công ty nhưng không có tiền đóng nên M đã nảy sinh ý định cầm cố xe để lấy tiền trả nợ nhưng chưa được. Mặt khác trước đó, M có nợ anh Trần Văn C, sinh năm 1981 ở cùng thôn số tiền 10.000.000 đồng nên ngày 23/12/2019 anh C có gọi điện đòi tiền M nên M đã bảo anh C xem có chỗ nào cầm cố xe ô tô để M mang xe đi cầm cố trả tiền cho anh C. Sau đó một hôm, anh C gọi điện thoại lại cho M nói là đã tìm được chỗ để cầm cố xe ô tô. M điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand I10 BKS 89A - 121.86 đến chở anh C đến cửa hàng sim số đẹp ở thị trấn Trần C, huyện P để gặp anh Phạm Năng Ph, sinh năm 1987, trú tại thôn Long T, xã Hoàng D, huyện G, tỉnh Hải Dương cầm cố xe. Tại đây, 2 người

gặp anh Hoàng Tú A, sinh năm 1997, trú tại thôn Duyệt L, xã Minh T, huyện P, tỉnh Hưng Yên là nhân viên của cửa hàng. Anh Tú A bảo M và anh C đi ra quán phun xăm của anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1996 ở xã Đoàn Đ, huyện P, và anh Tú A cũng đi theo. Khi đến nơi, gặp một nam thanh niên đang xăm hình là anh P, anh C giới thiệu với M đây là anh P. Giới thiệu xong anh C đứng ở ngoài cửa, M vào trong quán hỏi anh P "*em có xe Grand I10 hai đầu, anh cầm cho em*". P hỏi Mạnh là xe của ai thì M trả lời là xe của M. Anh P hỏi Mạnh là cầm xe lấy bao nhiêu thì M trả lời là "*Em muốn cầm lấy 40 triệu*". Hai bên thỏa thuận chỗ anh em không tính lãi, 10 ngày sau M phải trả tiền cho P, bao giờ trả tiền vay thì mời anh em đi ăn hoặc đi uống nước. Sau đó, anh Tú A hướng dẫn M viết giấy vay tiền và giấy xác nhận với nội dung Trần Văn M có vay của anh Hoàng Tú A số tiền 40.000.000 đồng và để lại xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand I10 BKS 89A -121.86 làm vật thế chấp, hẹn đến ngày 02/01/2020 sẽ trả tiền. Viết xong, M đưa giấy cho anh P kèm theo giấy tờ xe ô tô. P bảo với M là không đem theo tiền và bảo M đi ra khu vực ngã tư Bống, huyện G, tỉnh Hải Dương để lấy tiền và giao xe ô tô. Khi M và anh C lái xe ô tô đi qua khu vực ngã tư Bống khoảng 2km gặp một người đàn ông tên H (là nhân viên của P, chưa rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể), H đưa cho Mạnh số tiền 40.000.000 đồng và lái xe ô tô BKS 89 A - 121.86 mang về đưa cho anh P. Trên đường về M trả nợ anh C số tiền 10.000.000 đồng, trả nợ người đàn ông tên S (chưa rõ tên tuổi địa chỉ cụ thể) số tiền 27.000.000 đồng, số tiền còn lại M tiêu xài cá nhân hết. Khi hết thời hạn cầm cố, M không có khả năng trả tiền cho anh P để lấy xe ô tô về. Sau nhiều lần Công ty A yêu cầu nhưng không thấy M mang xe ô tô về để kiểm tra, đóng tiền cho công ty. Ngày 16/3/2020 Công ty A có đơn tố cáo đối với Trần Văn M về hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngày 24/4/2020, anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1989, trú tại Phố C, thị trấn Gia L, huyện Gia L, tỉnh Hải Dương (là bạn của P) giao nộp ô tô BKS 89 A - 121.86 cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Tiên Lữ.

Tại bản Kết luận giám định số 142/PC09 ngày 28/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Chữ viết và chữ ký trên giấy vay tiền và giấy xác nhận (trừ chữ ký và chữ viết mang tên Trần Văn C, chữ ghi "*Người làm chứng*") là do Trần Văn M viết và ký ra.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 15/KL - ĐG ngày 27/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tiên Lữ kết luận: Xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand I10 BKS 89 A - 121.86 màu trắng trị giá 230.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo Trần Văn M thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tài liệu thu giữ gồm:

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand I10 BKS 89 A - 121.86; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của xe ô tô BKS 89 - 121.86; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe ô tô BKS 89 A - 121.86. Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Tiên Lữ đã trao trả lại cho chủ sở hữu là Công ty A.

- + 01 giấy vay tiền, 01 giấy xác nhận về việc cầm cố tài sản.
- + 01 Hợp đồng lao động giữa Công ty A và Trần Văn M; 01 biên bản bàn giao xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand I10 BKS 89 A - 121.86 cho Trần Văn M.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty A đã nhận lại xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand I10 BKS 89 A - 121.86 và các giấy tờ có liên quan, không có yêu cầu M bồi thường gì. Anh Phạm Năng Ph yêu cầu Mạnh trả lại số tiền 40.000.000 đồng đã vay của anh P.

Đối với anh Trần Văn C là người giới thiệu để Mạnh cầm cố xe ô tô cho anh P. Quá trình điều tra xác định anh C không biết xe ô tô BKS 89 A - 121.86 là xe của Công ty A nên không có căn cứ để xử lý đối với anh C.

Đối với anh Phạm Năng P là người nhận cầm cố xe ô tô BKS 89 A - 121.86 của M. Quá trình điều tra xác định M không phải chủ sở hữu của xe ô tô, không được sự đồng ý hay ủy quyền của Công ty A nhưng anh P vẫn nhận cầm cố. Ngoài ra, anh P không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ (lĩnh vực kinh doanh có điều kiện), không có giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự. Do hành vi nhận cầm cố tài sản xảy ra trên địa bàn huyện Phù Cừ nên ngày 12/10/2020, Công an huyện Tiên Lữ có công văn đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phù Cừ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Phạm Năng P theo quy định pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số: 41/CT - VKS - TL ngày 09/11/2020 của VKSND huyện Tiên Lữ truy tố bị cáo Trần Văn M về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Trần Văn M nhận tội, khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất. Trong quá trình tạm giữ, tạm giam bị cáo tác động tới gia đình để gia đình bồi thường trả anh Phạm Năng P số tiền 40.000.000đ là tiền bị cáo đã cầm cố xe ô tô cho anh P. Số tiền này của ông Trần Văn V thay mặt gia đình ứng ra trả thay cho bị cáo M. Tại phiên tòa ông V không yêu cầu M trả lại cho ông V số tiền 40.000.000đ mà ông đã ứng ra.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Năng P tại phiên tòa hôm nay trình bày, anh đã nhận đủ số tiền 40 triệu đồng do gia đình bị cáo M bồi thường cho anh, anh không đề nghị thêm gì. Hội đồng xét xử ghi nhận việc gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho anh Phạm Năng P trước khi mở phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn M phạm tội. “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo M từ 06(sáu) năm đến 07(bảy) năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Về vật chứng: Công ty A đã nhận lại xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand I10 BKS 89 A - 121.86 và các giấy tờ có liên quan nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan điều tra Công an huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Điều tra viên; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng từ giai đoạn điều tra cho đến phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo Trần Văn M tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án và phù hợp vật chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do cơ quan điều tra thu thập được. Trên cơ sở đánh giá, xem xét toàn diện các chứng cứ có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng tháng 10/2019, sau khi ký hợp đồng làm lái xe và nhận xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand I10 BKS 89 A -121.86 trị giá 230.000.000 đồng của Công ty A. Bị cáo M là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, nhận biết việc thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm tài sản là vi phạm pháp luật, tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 230.000.000 đồng. Do đó hành vi của bị cáo M đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Xuất phát từ việc không có tiền trả nợ và tiêu sài cá nhân bị cáo đã lạm dụng tín nhiệm của Công ty A khi đang quản lý, sử dụng tài sản cho thuê, bị cáo đã đem cầm cố, thế chấp tài sản của Công ty để lấy tiền tiêu xài, chi phí cá nhân. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của Công ty. Làm mất trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo M không có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo có nhân thân xấu ngày 20/8/2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 07 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”. Ngày 24/11/2014 bị Công an huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên xử phạt hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi “*Đánh bạc*”. Ngày 24/3/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên xử phạt 10 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”. Mặc dù bị cáo đã chấp hành xong hình phạt của các bản án trên và đã được xóa án tích, nhưng bị cáo không lấy đó là bài học để tu dưỡng mà nay lại phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” điều đó chứng tỏ bị cáo là người khó giáo dục và cải tạo. Do đó cần phải xử lý nghiêm, cần cách ly bị cáo ra

khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định đủ thời gian cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3]. *Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Trong vụ án này, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tác động tới gia đình để gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho Phạm Năng P số tiền 40.000.000 đồng nên bị cáo được xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Sau khi thôi việc ở công ty A bị cáo rời khỏi địa phương và không có nơi ở cố định. Sau khi biết mình bị truy nã bị cáo tự nguyện đến công an quận Long Biên để đầu thú ngày 28/8/2020 nên bị cáo M được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]. *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. *Về xử lý vật chứng*: Công ty A đã nhận lại xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand I10 BKS 89 A - 121.86 và các giấy tờ có liên quan nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. *Về trách nhiệm dân sự*: Công ty A đã nhận lại xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand I10 BKS 89 A - 121.86 và các giấy tờ có liên quan, không có yêu cầu M bồi thường gì nên không đặt ra xem xét. Bị cáo đã tác động tới gia đình để gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho Phạm Năng P số tiền 40.000.000 đồng để khắc phục hậu quả nên không đặt ra giải quyết.

[7]. *Về án phí và quyền kháng cáo*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Trần Văn M** phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”

Căn cứ khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Trần Văn M 06(sáu) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 28/8/2020.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đã thực hiện xong nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Trần Văn M phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đăng Khuê

